|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

DỰ THẢO

**Dự thảo Nghị định quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2023, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật(sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Về cơ sở chính trị, pháp lý**

***a) Cơ sở chính trị***

Hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp gắn liền với quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế của đất nước. Song hành cùng với hội nhập về ngoại giao, kinh tế quốc tế, an ninh, chính trị, hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp làm cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam được toàn diện hơn, tạo cơ sở pháp lý cho hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực khác của Việt Nam. Quá trình hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp với những nguyên tắc, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp và Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW (sau đây gọi là Kết luận số 73-KL/TW). Theo đó, Ban Bí thư giao Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Cùng với đó, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra phương hướng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật, theo đó *“Tiếp tục đổi mới hợp tác quốc tế về pháp luật theo hướng chủ động, tích cực, tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nhằm tạo ra sự thay đổi về chất lượng công tác hợp tác quốc tế về pháp luật. Nghiên cứu giải pháp gia tăng sự hiện diện của chuyên gia pháp luật Việt Nam trong các thiết chế luật pháp quốc tế”.*

***b) Cơ sở pháp lý***

Luật Tổ chức Chính phủ tại khoản 1 Điều 6 quy định Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn *“Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;…”.* Đồng thời, tại Điều 22 Luật Tổ chức Chính phủ về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong đối ngoại và hội nhập quốc tế quy định Chính phủ có một số nhiệm vụ, quyền hạn như: Thống nhất quản lý nhà nước về đối ngoại và hội nhập quốc tế; Tổ chức thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị…; quyết định các chủ trương và biện pháp để tăng cường và mở rộng quan hệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế;…

Luật Thỏa thuận quốc tế quy định về trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế với yêu cầu cơ quan đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cần lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến thỏa thuận quốc tế đó. Ngoài ra, khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể tổ chức thi hành Hiến pháp, luật của Quốc hội; các biện pháp để thực hiện chính sách đối ngoại;…

Đồng thời, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước có đề ra nhiệm vụ về hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ với các bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật. Cụ thể, Nghị quyết số 04/NQ-CP giao Bộ Tư pháp sửa đổi phạm vi quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật trong công tác xây dựng pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật.

Các văn bản nêu trên là những cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật nhằm tiếp tục thể chế hóa các định hướng, quan điểm, chủ trương nói trên của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 73-KL/TW xác định những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực này. Theo đó, cần tiếp tục tăng cường, đổi mới hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, trong đó giao Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, thực hiện các giải pháp để đảm bảo an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, chú trọng lựa chọn và thúc đẩy những nội dung hợp tác mà Việt Nam cần; quan tâm hợp tác các nội dung để hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi và bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm; chú trọng nâng cao vai trò làm chủ, chủ động của phía Việt Nam trong lựa chọn đối tác, nội dung, hình thức hợp tác*;* tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các vi phạm.

Đồng thời, qua hơn 8 năm thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP đã đạt được những kết quả nhất định như quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật được tăng cường, đi vào nền nếp; hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương bám sát, phù hợp với định hướng, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, qua đó đã hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật và tư pháp, trình độ hiểu biết cũng như kỹ năng của các chuyên gia pháp luật Việt Nam đã được nâng lên đáng kể, tiếp cận được với những kiến thức, kinh nghiệm quốc tế phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP còn chưa phù hợp và việc triển khai thi hành Nghị định số 113/2014/NĐ-CP còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chưa rõ ràng, còn có sự trùng lặp về quy trình, thủ tục thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác như việc lập, phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án về pháp luật có sử dụng nguồn vốn ODA nên khi pháp luật chuyên ngành về ODA có sự thay đổi đã khiến cho quy định của Nghị định 113/2014/NĐ-CP không đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan.

- Quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý, thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật chưa được rõ ràng, cụ thể, chủ yếu gắn với trách nhiệm về quản lý, sử dụng vốn ODA mà chưa gắn với những đặc thù, tác động của hợp tác quốc tế về pháp luật.

- Việc thực hiện Nghị định số 113/2014/NĐ-CP có nơi, có lúc còn lúng túng, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác cũng như công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật.

- Nhận thức và việc tuân thủ các quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP chưa có sự đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương. Các điều kiện bảo đảm để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật (bao gồm cả nguồn nhân lực và ngân sách) còn hạn chế.

Trên cơ sở những vướng mắc, tồn tại nêu trên, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 38/TTr-BTP ngày 12/8/2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP và Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 5695/VPCP-PL thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý giao Bộ Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.

Với cơ sở chính trị, pháp lý và thực tế nêu trên, việc xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP là cần thiết để đảm bảo cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật trong đó chú trọng thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng ngừa những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn có thể có trong hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

Việc xây dựng dự thảo Nghị định nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trong việc đề xuất, triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cũng như tăng cường các biện pháp để đảm bảo các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật được đúng định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước; làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan có liên quan và thực hiện phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương trong quyết định, thực hiện và quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật phù hợp với thực tiễn.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định**

2.1. Đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của Nghị định với các quy định pháp luật liên quan, phù hợp với các điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

2.2. Xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định, không quy định lại quy trình, thủ tục đã được quy định tại các luật, nghị định có liên quan.

2.3. Làm rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp với những nội dung mang tính đặc thù của hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp gắn với việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý hành chính qua đó vừa tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp và vừa nâng cao hiệu quả công tác này.

2.4. Đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP; pháp điển các quy định của Thông tư hiện hành của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật.

2.5. Bám sát kết quả tổng kết thi hành pháp luật, thực tiễn quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật; minh bạch, cụ thể, thống nhất, dễ hiểu về ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản trong dự thảo Nghị định.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Để xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan và địa phương triển khai các công việc sau đây:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định;

2. Xây dựng dự thảo Nghị định và tài liệu thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định;

3. Tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

4. Đăng tải dự thảo Nghị định, tài liệu khác thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi mọi cá nhân, tổ chức;

5. Dự thảo Nghị định được thẩm định vào ngày …/…/2023.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định và kết quả lấy ý kiến, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định, tài liệu khác thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định được bố cục thành 4 chương, 16 điều, bao gồm:

- Chương I. Quy định chung (Điều 1 – Điều 5);

- Chương II. Quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 6 – Điều 11);

- Chương III. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 12 – Điều 14);

- Chương IV. Điều khoản thi hành (Điều 15 – Điều 16).

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

**2.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị định quy định về các nguyên tắc, nội dung, hình thức và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp. Nghị định sẽ không điều chỉnh với các tổ chức, cá nhân nước ngoài vì đã có các văn bản quy phạm pháp luật khác điều chỉnh.

So với Nghị định 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định thay thế quy định phạm vi điều chỉnh cụ thể, rõ ràng hơn, đề cao các nguyên tắc, yêu cầu và việc tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

**2.2. Về nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 3)**

Bên cạnh việc kế thừa và có hoàn thiện nội dung một số nguyên tắc đã được quy định tại Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định bổ sung thêm một số nguyên tắc mới đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương, đường lối, định hướng trong công tác đối ngoại nói chung và hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nói riêng theo hướng đề cao tính chủ động và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế; đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp đúng pháp luật, hiệu quả.

**2.3. Về áp dụng các quy định pháp luật có liên quan (Điều 4)**

Các quy định pháp luật hiện hành đã quy định cơ bản đầy đủ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định liên quan đến các hình thức hợp tác pháp luật và cải cách tư pháp. Do vậy, để tránh trùng lặp, không quy định lại các quy định đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành, dự thảo Nghị định quy định mang tính nguyên tắc về việc áp dụng các quy định pháp luật có liên quan và áp dụng quy định của Nghị định này đối với cùng một vấn đề để tạo sự thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Cụ thể, đối với quy trình ký kết điều ước quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp: do pháp luật về điều ước quốc tế đã quy định cụ thể về quy trình, thủ tục. Do vậy, việc ký kết điều ước quốc tế sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về điều ước quốc tế. Đối với thỏa thuận quốc tế, Luật thỏa thuận quốc tế chỉ quy định lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến nội dung thỏa thuận, do vậy, dự thảo Nghị định sẽ quy định cụ thể cơ quan liên quan là cơ quan nào để thuận lợi cho các cơ quan đề xuất ký kết khi ký kết thỏa thuận quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

Đối với việc tiếp nhận, quản lý các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ nước ngoài không thuộc ODA, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế: pháp luật trong các lĩnh vực này về cơ bản đã quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc tiếp nhận các chương trình, dự án, phi dự án và tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. Tuy nhiên, quy định cụ thể về việc lấy ý kiến một số cơ quan liên quan còn chưa rõ ràng. Do vậy, để đảm bảo các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Nghị định này quy định việc tiếp nhận, phê duyệt các chương trình, dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế sẽ được thực hiện theo pháp luật về ODA, pháp luật về viện trợ không thuộc ODA, pháp luật về quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế và lấy ý kiến một số cơ quan đối với một số nội dung cụ thể được quy định tại Nghị định này.

Việc quy định như vậy đảm bảo không trùng lặp về nội dung mà chỉ cụ thể hóa hơn về cách thức thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến các hình thức ký kết thỏa thuận quốc tế, tiếp nhận chương trình, dự án, phi dự án, hội nghị, hội thảo quốc tế.

**2.4. Về nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 5)**

Nghị định số 113/2014/NĐ-CP không quy định cụ thể về nội dung, hình thức hợp tác, dự thảo Nghị định sẽ quy định cụ thể về nội dung và hình thức các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cơ sở thực tiễn triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế của các cơ quan, tổ chức trong thời gian qua và bảo đảm phù hợp với Chỉ thị số 39-CT/TW và Kết luận số 73-KL/TW nhằm bảo đảm thống nhất về cách hiểu và thực hiện, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp. Cụ thể, các hoạt động hợp tác quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm hợp tác quốc tế trong xây dựng pháp luật; thi hành pháp luật; chia sẻ, nâng cao kiến thức, năng lực về pháp luật và cải cách tư pháp; hợp tác quốc tế trong cải cách tư pháp bao gồm hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành án, bổ trợ tư pháp và công tác đào tạo, nâng cao năng lực các chức danh tư pháp và nghề tư pháp.

Việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thông qua các hình thức như ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; tiếp nhận và thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn hoặc các khóa bồi dưỡng về pháp luật và cải cách tư pháp; trao đổi chuyên gia pháp luật, văn bản, tài liệu pháp luật và cải cách tư pháp.

**2.5. Về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (các Điều từ 6 đến 11)**

Dự thảo Nghị định tiếp cận theo hướng không quy định lại thẩm quyền, quy trình, thủ tục như đã quy định tại Nghị định số 113/2014/NĐ-CP vì những nội dung này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Dự thảo Nghị định đưa ra yêu cầu đối với việc xây dựng hoạt động hợp tác quốc tế cần phải đáp ứng và đồng thời chỉ quy định những nội dung, yêu cầu cần phải đảm bảo trong các bước, quy trình triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp đã được quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan. Việc quy định như vậy sẽ đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Cụ thể như sau:

- Về xây dựng hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Điều 6): Dự thảo Nghị định đưa ra một số yêu cầu đối với việc xây dựng hoạt động hợp tác quốc tế để các cơ quan, tổ chức chủ động xây dựng/đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình, nội dung hợp tác phải phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu được quy định tại Nghị định này;

- Về phê duyệt hoạt động hợp tác quốc tế (Điều 7): Nghị định quy định theo nguyên tác các cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác phải tiến hành quy trình, thủ tục và phê duyệt hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định pháp luật hiện hành và quy định cụ thể của Nghị định này để đảm bảo chặt chẽ và phù hợp với các quy định liên quan; phải thực hiện việc xin ý kiến các cơ quan theo quy định pháp luật có liên quan và xin ý kiến một số cơ quan theo quy định của Nghị định này; hồ sơ xin ý kiến theo quy định pháp luật liên quan và phải đảm bảo làm rõ sự cần thiết của hoạt động hợp tác quốc tế, nội dung hợp tác, hình thức hợp tác, đối tác hợp tác, đánh giá tác động về an ninh, trật tự xã hội và giải pháp thực hiện, kết quả dự kiến đạt được; cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời đúng hạn theo quy định pháp luật liên quan, nội dung trả lời căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

- Về chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác, chế độ báo cáo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (các Điều 9, 10, 11): dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định này theo hướng các cơ quan, tổ chức chủ động chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật sau khi kết thúc hoạt động trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc các hình thức khác phù hợp, không bắt buộc phải gửi về Bộ Tư pháp như quy định hiện hành.

**2.6. Về trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (từ Điều 12 đến 14)**

Dự thảo Nghị định lược bỏ trách nhiệm quản lý các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA về hợp tác pháp luật và tư pháp của các Bộ, ngành, địa phương vì việc quản lý các chương trình, dự án này sẽ thực hiện theo pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA. Đồng thời, để tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về các hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp mà các các cơ quan liên quan sẽ cho ý kiến và cụ thể hóa nội dung các cơ quan sẽ cho ý kiến trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chẳng hạn như Bộ Ngoại giao sẽ cho ý kiến về đối tác quốc tế, sự phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại; Bộ Tư pháp cho ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp; Bộ Công an cho ý kiến về các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự,…

Thực hiện yêu cầu về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hợp tác quốc tế tại Nghị quyết số 04/NQ-CP, dự thảo Nghị định sẽ không quy định các nội dung về trình tự, thủ tục phê duyệt chương trình, dự án, phi dự án về pháp luật, đào tạo pháp luật như đã được quy định tại Nghị định số 114/2014/NĐ-CP. Thay vào đó, dự thảo Nghị định quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ tự quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tiếp nhận các chương trình, dự án, phi dự án theo quy định pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Dự thảo Nghị định chỉ quy định việc lấy ý kiến một số cơ quan trước khi quyết định. Riêng đối với hợp tác với nước ngoài về đào tạo luật, Nghị định sẽ không điều chỉnh, việc thực hiện hợp tác với nước ngoài thực hiện theo pháp luật về giáo dục.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

*(Cập nhật sau khi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các chủ thể chịu tác động trực tiếp của dự thảo Nghị định)*

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);- Lưu: VT, Vụ HTQT. | **BỘ TRƯỞNG****Lê Thành Long** |